

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	13,300 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.5%	0.8%	-

DT thuần	2024	1,499	YoY ▲ 266 ▲ 21.6%
		tỷ VNĐ	

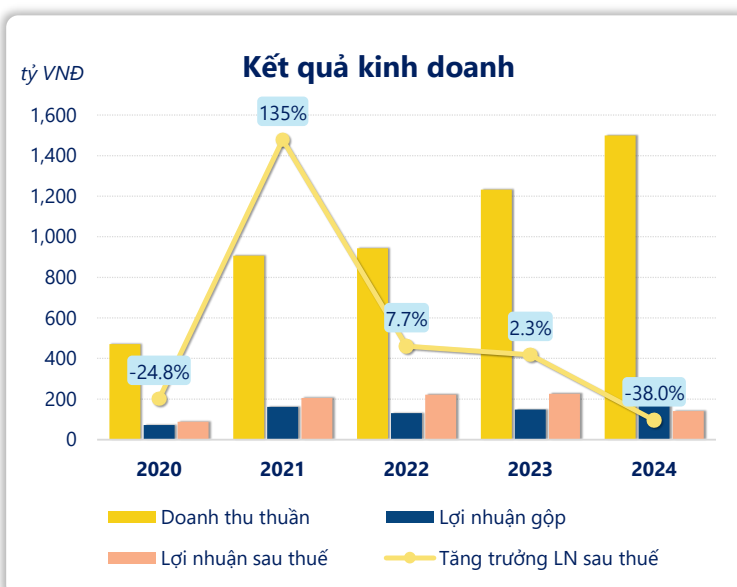
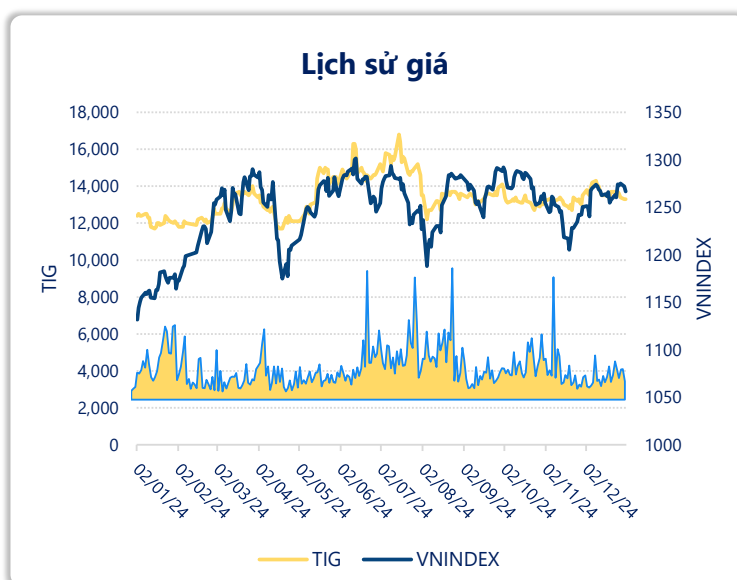
LN gộp	2024	257	YoY ▲ 109 ▲ 73.5%
		tỷ VNĐ	

LN thuần	2024	228	YoY ▼ 60.0 ▼ 20.9%
		tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2024	140	YoY ▼ 86.0 ▼ 38.0%
		tỷ VNĐ	

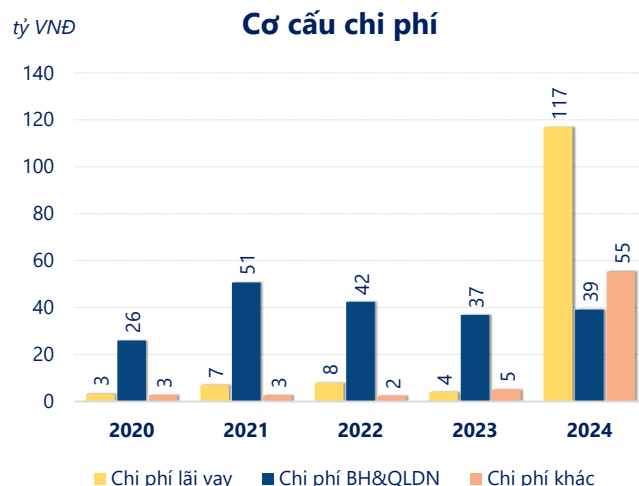
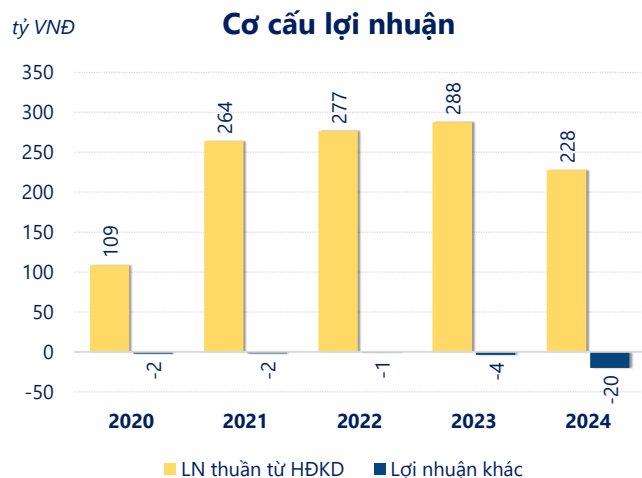
ROE	2024	6.5%	+/- YoY ▼ 2.3%
-----	------	------	-------------------

ROA	2024	3.4%	+/- YoY ▼ 1.8%
-----	------	------	-------------------



Kết quả kinh doanh **TIG** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 21.6%** đạt **1,499** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 38.0%** chỉ còn **140.4** tỷ đồng.

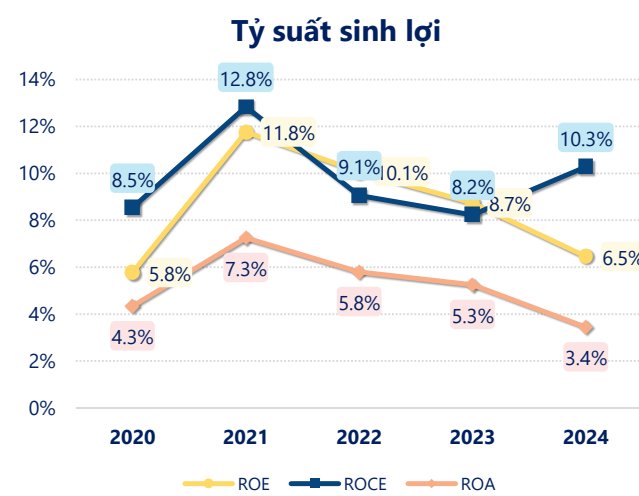
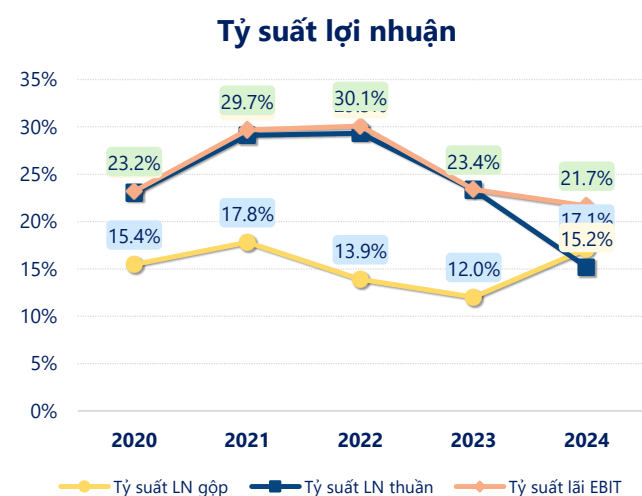
Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **6.45%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.



Năm **2024**, **TIG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **227.7** tỷ đồng, **giảm đi 60.06** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (232.9 tỷ đồng) là 5.20 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **117.0** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **39.13** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **55.39** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của TIG năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **6.45%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



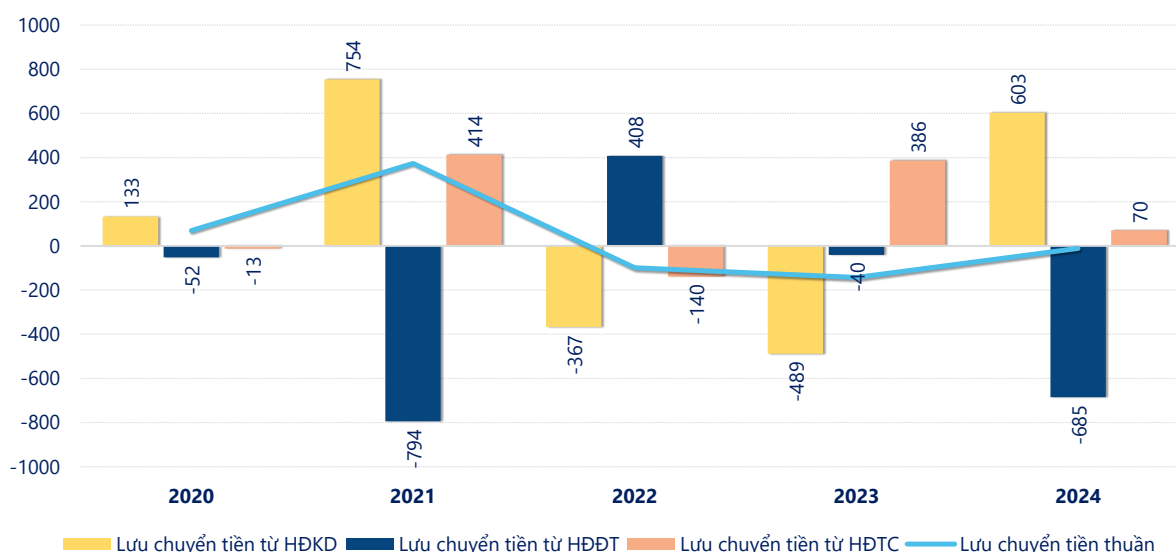
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	471	906	944	1,233	1,499
Giá vốn hàng bán	399	745	813	1,085	1,242
Lợi nhuận gộp	72.8	161	131	148	257
Doanh thu HĐTC	60.0	179	195	178	127
Chi phí TC	3.28	7.01	7.98	3.94	117
Chi phí lãi vay	3.25	7.01	7.98	3.98	117
LN trong công ty LKLD	4.95	-19.3	0.74	2.71	0
Chi phí bán hàng	13.7	30.5	24.6	11.4	9.19
Chi phí QLDN	12.2	20.2	17.8	25.5	29.9
LN thuần từ HĐKD	109	264	277	288	228
Lợi nhuận khác	-2.35	-1.85	-0.82	-3.68	-20.0
LN trước thuế	106	262	276	284	208
Lợi nhuận sau thuế	87.5	206	221	226	140
LNST của CĐ cty mẹ	72.8	195	227	222	142

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TIG bằng **-11.12** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-142.8 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **603.5** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-685.0** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **70.38** tỷ đồng.